TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2025

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Hiếu

2. Ông Phạm Văn Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Dương Thị P, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: ấp A, xã Ph, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Châu Văn B, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: ấp A, xã Ph, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn bà Dương Thị P trình bày:

Bà và ông Châu Văn B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/6/1991, sau khi kết hôn thì cuộc sống hạnh phúc, đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B nghiện rượu, thường xuyên gây sự vô cớ, đập phá đồ đạc và chửi bới bà. Mặc dù bà đã nhẫn nhịn nhưng tình trạng ngày càng trầm trọng hơn, ông B nhiều lần bạo hành, dùng hung khí đuổi chém bà chạy ra khỏi nhà, ngủ nhờ nhà hàng xóm. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Châu Văn B nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông Châu Văn B có 01 con chung đã trưởng thành là Châu Hoàng P1, sinh ngày 14/7/1996 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông Châu Văn B tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông Châu Văn B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Châu Văn B đến để tiến hành hòa giải nhưng ông B vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Dương Thị P khởi kiện ông Châu Văn B để yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Châu Văn B là bị đơn cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Dương Thị P có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Châu Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị P và ông Châu Văn B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/6/1991. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà P cho rằng bà P và ông B phát sinh mâu thuẫn từ năm 1996, nguyên nhân do ông B nghiện rượu, thường xuyên gây sự vô cớ, đập phá đồ đạc và chửi bới bà P. Mặc dù bà P đã nhẫn nhịn nhưng tình trạng ngày càng trầm trọng hơn, ông B nhiều lần bạo hành, dùng hung khí đuổi chém bà P chạy ra khỏi nhà, phải ngủ nhờ nhà hàng xóm. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông B để tham gia phiên hòa giải nhưng ông B vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thể hiện ông B không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu

thuẫn giữa bà P và ông B là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị P đối với ông Châu Văn B.

[3.2] Về con chung: bà P và ông B có 01 con chung tên Châu Hoàng P1, sinh ngày 14/7/1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: bà P tự thỏa thuận với ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Dương Thị P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị P đối với bị đơn ông Châu Văn B, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị P được ly hôn ông Châu Văn B.

2. Về con chung: con chung là Châu Hoàng P1, sinh ngày 14/7/1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà Dương Thị P tự thỏa thuận với ông Châu Văn B không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Dương Thị P khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Dương Thị P phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008433 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Dương Thị P và ông Châu Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Hiệp, H. Mỏ Cày Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực